

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN E  
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 92/2022/HNGĐ-ST

Ngày 30 - 9 - 2022.

“V/v: Kiện ly hôn và tranh chấp  
về nuôi con chung”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN E**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Bích Thủy;

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Hoàng Tuyển và ông Bùi Hoàng Sơn.

*Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Lê Hằng Nga - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện E.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện E tham gia phiên tòa:* Ông Trịnh Văn Hai - Kiểm sát viên.

Ngày 30/9/2022 tại Phòng xử án - Tòa án nhân dân huyện E xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 331/2022/TLST-HNGĐ, ngày 22/08/2022 về việc “Kiện ly hôn và tranh chấp về nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 99/2022/QĐST-HNGĐ ngày 09/09/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 71/2022/QĐST-HNGĐ ngày 23/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện E, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị H S - sinh năm 1989; Nơi cư trú: Buôn A (K), xã R, huyện E, tỉnh Đắk Lắk - vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Anh Nay Y K - sinh năm 1992; Nơi cư trú: Buôn A (K), xã R, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt lần thứ 2 tại phiên tòa không có lý do.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***1. Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị H S trình bày:***

Về quan hệ hôn nhân: Chị H S và anh Nay Y K tự nguyện về chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn với nhau ngày 09/5/2016 tại Ủy ban nhân dân xã R, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Thời gian chung sống hạnh phúc được 04 năm thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do K thường xuyên ghen tuông vô cớ, cấm đoán chị H S gặp mọi người trong gia đình. K còn đánh đập, chửi bới và sỉ nhục chị H S rất nhiều lần. Ngoài ra, còn thường xuyên theo dõi chị H S làm ảnh hưởng đến công việc hiện tại của chị. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng

không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị H S yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị H S được ly hôn với anh Nay Y K.

Về con chung: Chị H S và anh Nay Y K có 02 con chung là Y Đ - sinh ngày 01/3/2016 và H Kh - sinh ngày 15/8/2018. Nếu Tòa án giải quyết ly hôn, chị H S yêu cầu được nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 02 con chung là Y Đ và H Kh cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H S và anh Nay Y K tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị H S và anh Nay Y K tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**\* *Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Nay Y K trình bày:***

Về quan hệ hôn nhân, anh Nay Y K và chị H S tự nguyện về chung sống và đăng ký kết hôn như chị H S đã trình bày ở trên. Quá trình chung sống hạnh phúc được 06 năm thì bắt đầu nảy sinh một số mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do chị H Soem hay đi nhậu say, anh Nay Y K gọi điện không bắt máy. Nay chị H Soem khởi kiện yêu cầu ly hôn, anh Nay Y K không đồng ý ly hôn với chị H S.

Về con chung: Anh Nay Y K và chị H S có 02 con chung là Y Đ - sinh ngày 01/3/2016 và H Kh - sinh ngày 15/8/2018. Trong trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn, anh Nay Y K đồng ý để chị H Soem nuôi 02 con chung là Y Đ và H Kh cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Nay Y K và chị H S tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh Nay Y K tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Nội dung biên bản xác minh ngày 08/9/2022 thể hiện:* Mâu thuẫn giữa chị H S và anh Nay Y K chính quyền thôn buôn không nắm được.

***Phát biểu của Kiểm sát viên:***

Về thủ tục tố tụng: Quá trình thu thập tài liệu chứng cứ, Tòa án đã thu thập đầy đủ và đúng trình tự theo quy định pháp luật về tố tụng. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng đã chấp hành đầy đủ, đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ và lời khai của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án thể hiện việc chị H S khởi kiện yêu cầu ly hôn là có căn cứ. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56; Điều 57, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H S về việc ly hôn với anh Nay Y K. Về con chung: đề nghị giao con chung cho chị H S trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con và tài sản chung: Chị H S không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục: Chị H S khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và yêu cầu giải quyết việc nuôi con chung với anh Nay Y K là “Kiện ly hôn và tranh chấp về nuôi con chung”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện E theo quy định tại Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, các bên có tham gia phiên họp hòa giải và công khai chứng cứ. Tại phiên tòa, bị đơn anh Nay Y K đã được Tòa án đã triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ 2, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, nguyên đơn chị H S có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị H S và anh Nay Y K chung sống với nhau từ năm 2016, có đăng ký kết hôn tại UBND xã R, huyện E, tỉnh Đắk Lắk theo giấy chứng nhận kết hôn số 57/2016 ngày 29/02/2016 là trên cơ sở tự nguyện, nên đây là hôn nhân hợp pháp theo quy định của pháp luật.

Qua xác minh tại chính quyền địa phương nơi chị H S và anh Nay Y K sinh sống, thì không rõ mâu thuẫn giữa các bên. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án, chị H S và anh Nay Y K đều thừa nhận cuộc sống gia đình có mâu thuẫn. Mặt khác, chị H S cho rằng những mâu thuẫn trong cuộc sống gia đình ảnh hưởng đến tinh thần và công việc của mình, chị H S không thể tiếp tục chung sống với anh Nay Y K. Xét thấy, giữa hai bên không còn tình cảm và tôn trọng lẫn nhau, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, việc chị H S yêu cầu ly hôn với anh Nay Y K là có căn cứ, cần chấp nhận.

- Về con chung: Trong thời gian chung sống, chị H S và anh Nay Y K có với nhau 02 con chung là Y Đ - sinh ngày 01/3/2016 và H Kh - sinh ngày 15/8/2018.

Nguyên vọng của chị H S là muốn được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục các con chung đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi. Các con chung đều còn nhỏ, chưa đủ tuổi trình bày nguyện vọng ở với bố hoặc mẹ.

Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Nay Y K đồng ý giao các con chung cho chị H S trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Mặt khác, hiện nay chị H S có việc làm, thu nhập, chỗ ở ổn định; anh Nay Y K làm công việc tự do, không có thu nhập ổn định. Do đó cần thiết giao các con chung cho chị H S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng sau khi ly hôn là phù hợp với nguyện vọng của chị H S và đảm bảo quyền lợi của con chung.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H S không yêu cầu nên không xem xét giải quyết

Anh Y K có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, các bên có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con chung và mức cấp dưỡng nuôi con chung.

[2.4] Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[3] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí HNGĐ-ST, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các Điều 28, 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 144, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 266 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83, 84, 110, 116, 117 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Cho chị H Sg được ly hôn với anh Nay Y K.

- Về con chung: Giao các con chung là Y Đ - sinh ngày 01/3/2016 và H Kh - sinh ngày 15/8/2018 cho chị Hsoem Adrong trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Anh Nay Y K có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con chung và trợ cấp phí tổn nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

- Về án phí:

Chị H S phải chịu 300.000 đồng tiền án phí HNGĐ-ST, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án huyện E theo Biên lai số AA/2021/0010618 ngày 23/8/2022.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án, hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được quy định theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được Thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

#### **Nơi nhân:**

- Các đương sự;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**  
*Đã ký tên, đóng dấu*

- Viện KSND huyện E;
- Thị hành án huyện E;
- Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk;
- UBND xã R,E;
- Lưu hồ sơ, vì tính.

**Nguyễn Thị Bích Thủy**